TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẢO YÊN** **TỈNH LÀO CAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2023/HNGĐ-ST
Ngày 12/7/2023

V/v: "Kiện ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO YÊN- TỈNH LÀO CAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thanh Vân

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Dương Quý Sáng;
2. Bà Đinh Thị Út

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Lê Thị Dần- Thư ký Toà án nhân dân huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai.

Ngày 12/7/2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai,tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 66/2023/TLST-HNGĐ ngày 15/5/2023về việc: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số:24/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 13/6/2023 theo quyết định hoãn phiên toà ngày 29/6/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nông Thị V; sinh năm: 1989

Địa chỉ: Bản 1 Tân Văn, xã Kim Sơn, huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt tại phiên tòa (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Anh Bùi Văn H; sinh năm: 1987;

Địa chỉ: Bản 1 Tân Văn, xã K, huyện B, tỉnh L. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn chị Nông Thị V trình bày: Chị và anh Bùi Văn H kết hôn ngày 10/12/2008, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Kim Sơn, huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai. Hôn nhân dựa trên sự tự nguyện không do bên nào ép buộc. Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau, không thông cảm cho nhau,thường hay cãi,chửi nhau. Mâu thuẫn xảy ra được chính quyền địa phương, bạn bè khuyên giải nhưng không được. Hiện anh chị đã sống ly thân mỗi người một nhà được gần một năm, không ai quan tâm đến ai. Chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài nên đề nghị Tòa án giải quyết để chị được ly hôn với anh Bùi Văn H nhằm ổn định cuộc sống sau này của mỗi người.

Về con chung: Quá trình chung sống anh chị có 02 người con chung là cháu Bùi Đức Kh; sinh ngày 27/12/2009; cháu Bùi Như Q; sinh ngày 02/3/2011. Hiện đang ở cùng chị Nông Thị V. Khi ly hôn chị Nông Thị V xin trực tiếp nuôi dưỡng cả hai người con là cháu Bùi Đức Khánh và cháu Bùi Như Quỳnh không yêu cầu anh Bùi Văn H phải đóng góp phí tổn nuôi con.

Nghề nghiệp hiện nay của chị là làm nông nghiệp trồng trọt, thu nhập trung bình là 8.000.000 triệu đồng/ tháng.

Về tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý, thông báo phiên họp công khai chứng cứ và phiên hòa giải, cũng như quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên toà nhưng bị đơn đã không đến tham tố tụng để giải quyết vụ án. Nên Tòa án đã tiến hành giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nông Thị V có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết Ly hôn giữa chị với anh Bùi Văn H. Đây là vụ án "Tranh chấp về hôn nhân gia đình" Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại xã Kim Sơn, huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai. Nên căn cứ theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã ra thông báo về việc thụ lý giải quyết vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra chứng cứ và hòa giải, tống đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên toà nhưng bị đơn không đến tham gia tố tụng, cần áp dụng khoản 2 điều 227; khoản 3 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nông Thị V và anh Bùi Văn H kết hôn ngày 10/12/2008, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Kim Sơn, huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai. Hôn nhân dựa trên sự tự nguyện không do bên nào ép buộc. Do vậy, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.Nhưng trong quá trình chung sống đã phát sinh mâu thuẫn, Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau, không thông cảm cho nhau, thường hay cãi, chửi nhau. Mâu thuẫn xảy ra được chính quyền địa phương, bạn bè khuyên giải nhưng không được. Hiện anh chị đã sống ly thân mỗi người một nơi, không ai quan tâm đến ai.Tại phiên tòa hôm nay chị Nông Thị V có đơn xin xét xử vắng mặt và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Bùi Văn H. Xét thấy mâu thuẫn gia đình chị Nông Thị V và anh Bùi Văn H đã trở nên trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, không ai quan tâm đến ai, vợ chồng đã sống ly thân nên cuộc sống chung không thể kéo dài. Vậy cần chấp nhận đơn khởi kiện ly hôn của chị Nông Thị V, giải quyết cho chị được ly hôn với anh Bùi Văn H theo quy định khoản 1 Điều 56 luật Hôn nhân gia đình là có căn cứ.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống anh chị có 02 người con chung là cháu Bùi Đức Khánh; sinh ngày 27/12/2009; cháu Bùi Như Quỳnh; sinh ngày 02/3/2011. Hiện đang ở cùng chị Nông Thị V. Khi ly hôn chị Nông Thị V xin trực tiếp nuôi dưỡng cả hai người con là cháu Bùi Đức Kh và cháu Bùi Như Q không yêu cầu anh Bùi Văn H phải đóng góp phí tổn nuôi con.

Xét về vấn đề nuôi con thấy rằng: Việc giao con chung cho chị Nông Thị V là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục là phù hợp. Vì cháu Bùi Đức

Khánh và cháu Bùi Như Quỳnh có nguyện vọng xin được ở cùng mẹ. Chị Nông Thị V làm nông nghiệp, có thu nhập ổn định nên việc giao cả 2 người con cho chị Nông Thị V là phù hợp theo điều 81 ; điều 82; điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung: Chị Nông Thị V không yêu cầu Toà án giải quyết nên hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng, án phí, lệ phí Tòa án để tính án phí cho các đương sự

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Khoản 1 Điều 56; điều 57 điều 81 ;82 ;83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 điều 147; khoản 2 điều 227; khoản 3 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng , án phí, lệ phí Tòa án.

1.Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nông Thị V được ly hôn anh Bùi Văn H. Quan hệ hôn nhân của chị Nông Thị V và anh Bùi Văn H chấm dứt kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao cháu Bùi Đức Kh; sinh ngày 27/12/2009; cháu Bùi Như Q; sinh ngày 02/3/2011 cho chị Nông Thị V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Anh Bùi Văn H không phải đóng góp phí tổn nuôi con. Anh Bùi Văn H có quyền đi lại thăm nom,chăm sóc con chung không ai có quyền cản trở anh Bùi Văn H thực hiện quyền này.

3. Về án phí: Chị Nông Thị V phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn. Nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001656 ngày 15/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai. Chị Nông Thị V đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh; huyện
- Các đương sự;
- THADS huyện;
- UBND Xã Kim sơn
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thanh Vân